

Phụ lục 2
DANH SÁCH NGƯỜI GIẢNG DẠY THỰC HÀNH
TẠI ĐƠN VỊ, SỐ LƯỢNG GIƯỜNG/ GHẾ RĂNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH

1. Tiền sĩ Ngoại tiêu hóa

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm Văn Duyệt	PGS.TS	Ngoại khoa	0012617/BYT- CCHN	Ngoại khoa	7	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng; thăm khám bệnh, đưa phương pháp điều trị; Kiến tập và phụ mổ	Ngoại 9	2



2. Đào tạo bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành ngoại tổng quát

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Cao Thị Bích Hạnh	PGS.TS	Gây mê hồi sức	004221/HP- CCHN	Gây mê hồi sức	6	Gây mê hồi sức	Thực hành lâm sàng	GMHS	2
2	Phan Thị Tuyết Lan	BSCKII	Ngoại khoa	004207/HP- CCHN	Ngoại khoa	4	Ngoại tiêu hóa	Thực hành lâm sàng	Ngoại 9	4
3	Nguyễn Minh Tuấn	BSCKII	Ngoại khoa	002917/HP- CCHN	Ngoại khoa	5				
4	Phạm Văn Trung	Tiến sĩ	Ngoại khoa	001245/HP- CCHN	Ngoại khoa	7	Ngoại Chấn thương	Thực hành lâm sàng	Ngoại 10	4
5	Phạm Quang Minh	BSCKII	Ngoại khoa	005407/HP- CCHN	Ngoại khoa	6				
6	Đỗ Mạnh Thắng	Tiến sĩ	Ngoại khoa	005479/HP- CCHN	Ngoại khoa	6	Ngoại thần kinh - sọ não	Thực hành lâm sàng	Ngoại 12	4
7	Đặng Việt Sơn	Tiến sĩ	Ngoại khoa	001976/HP- CCHN	Ngoại khoa	7				
8	Nguyễn Công Bình	PGS.TS	Ngoại khoa	005475/HP- CCHN	Ngoại khoa	6	Ngoại tiết niệu	Thực hành lâm sàng	Ngoại 7	4
9	Phạm Văn Yến	BSCKII	Ngoại khoa	001069/HP- CCHN	Ngoại khoa	8				

3. Đào tạo bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành chấn thương chỉnh hình

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu TH	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Ngô Quốc Đình	Bác sĩ CKII	Gây mê hồi sức	001110/HP- CCHN; 1150/QĐ-SYT	KB,CB chuyên khoa Nội tổng hợp; GMHS	8	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	GMHS	2
2	Đình Thế Hùng	Tiến sĩ	Ngoại khoa	005410/HP- CCHN	Ngoại khoa	6	Ngoại cơ sở; ngoại bệnh lý; Ngoại khoa; CTCH; Định hướng ngoại; PT thực hành; Điều trị cấp cứu chấn thương cơ quan vận động; Bệnh lý cơ quan vận động và di chứng gãy xương trật khớp; Điều trị dị tật cơ quan vận động và di chứng gãy xương trật khớp; Thăm dò CLS hệ xương khớp; PTNS, PT tạo hình, vi phẫu CTCH; Điều trị PHCN cơ quan vận động	Thực hành lâm sàng	Ngoại 10	4
3	Nguyễn Việt Dũng	BSCKII	Ngoại khoa	001814/HP- CCHN	Ngoại khoa	7				

4. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành ngoại tiêu hóa

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm Văn Thương	Tiến sĩ	Ngoại khoa	0012614/BYT- CCHN	Ngoại khoa	5	PT Thực hành; GMHS; Ngoại cấp cứu tổng quát; Cấp cứu ngoại khoa ổ bụng; Bệnh lý gan mật tụy;	Thực hành lâm sàng	Ngoại 9	2
2	Phạm Xuân Hùng	Tiến sĩ	Gây mê hồi sức	0025021/BYT- CCHN	Gây mê hồi sức	6	Bệnh lý ống tiêu hóa; PTNS ổ bụng	Thực hành lâm sàng	GMHS	2

5. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nội khoa

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu TH	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm Văn Nhiên	PGS.TS	Nội khoa	023063/HP- CCHN	Nội khoa	8	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Nội 1	2
2	Nguyễn Thị Minh Lan	BSCKII	Nội khoa	003159/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	9	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Nội 2	2
3	Trần Thị Xuân Lan	BSCKII	Nội khoa	001898/HP-CCHN	KB,CB Nội khoa	7	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Nội 3	2
4	Nguyễn Anh Dũng	BSCKII	Nội khoa	003168/HP-CCHN	KB,CB Nội khoa	7	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Tim mạch	2
5	Nguyễn Thị Thu Huyền	Tiến sĩ	Nội khoa	004244/HP- CCHN	Thần kinh	6	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Thần kinh	2



6. Đào tạo bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nội hô hấp

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Văn Thành	BSCKII	Nội khoa	003178/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	7	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Nội 2	2



7. Đào tạo bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành Nội tim mạch

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Vũ Mạnh Tân	Tiến sĩ	Nội khoa	003171/HP- CCHN; 028933/BYT-CCHN; QĐ 4965/QĐ-BYT	KB,CB Nội khoa; KB,CB chuyên khoa Nội tổng hợp; Chuyên khoa Siêu âm	7	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Tim mạch	2

8. Đào tạo bác sĩ chuyên khoa II chuyên ngành nhi thận tiết niệu

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lê Khắc Dương	BSCKII	Nội khoa	003175/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	7	Lọc máu ngoài thận	Thực hành lâm sàng	Thận nhân tạo	3

9. Đào tạo Thạc sĩ Ngoại khoa

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lê Quang Hùng	BSCKII	Ngoại khoa	001620/HP- CCHN	Ngoại khoa	7	Định hướng ngoại	TH lâm sàng	Ngoại 7	2
2	Nguyễn Thái Bình	Thạc sĩ	Ngoại khoa	008740/HP- CCHN	Ngoại khoa	4	Định hướng ngoại	TH lâm sàng	Ngoại 9	2
3	Phan Tiến Hùng	Thạc sĩ	Ngoại khoa	002118/HP- CCHN	Ngoại khoa	7	Định hướng ngoại	TH lâm sàng	Ngoại 10	2
4	Nguyễn Hồng Đạo	Tiến sĩ	Ngoại khoa	004232/HP- CCHN	Ngoại khoa	6	Định hướng ngoại	TH lâm sàng	Ngoại 11	2
5	Nguyễn Ngọc Hùng	BSCKII	Ngoại khoa	0022763/BYT-CCHN	Ngoại khoa	6	Định hướng ngoại	TH lâm sàng	Ngoại 12	2
6	Nguyễn Thế May	Thạc sĩ	Ngoại khoa	004227/HP- CCHN	Ngoại khoa	6	Định hướng ngoại	TH lâm sàng	LN-TM	2
7	Trương Minh Hải	BSCKII	Hồi sức cấp cứu	004556/HP- CCHN	Hồi sức cấp cứu và chống độc	6	Định hướng ngoại	TH lâm sàng	Cấp cứu	2

10. Đào tạo Thạc sĩ Nội khoa

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Lê Văn Thiệu	PGS.TS	Nội khoa	000218/HP- CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	10	TH lâm sàng	TH lâm sàng	Nội 1	2
2	Đàm Thị Hồng Hạnh	BSCKII	Nội khoa	004263/HP-CCHN	KB,CB Nội khoa	8	TH lâm sàng	TH lâm sàng	Nội 2	2
3	Nguyễn Thị Thùy Ngân	Thạc sĩ	Nội khoa	004262/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	8	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Nội 3	5
4	Tô Thị Thu	Thạc sĩ	Nội khoa	000140/HP- CCHN	Nội khoa	10				
5	Trần Minh Tuấn	BSCKI	Nội khoa	001305/HP- CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	10				
6	Nguyễn Thị Hồng Huệ	BSCKII	Nội khoa	004249/HP- CCHN	Nội khoa	8	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Nội 4	7
7	Vũ Thị Bích Hồng	BSCKII	Nội khoa	003158/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	9				
8	Nguyễn Thị Liên	BSCKI	Nội khoa	001331/HP- CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	10				
9	Nguyễn Thị Hiền	BSCKI	Nội khoa	004552/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	8				
10	Vương Đình Cường	Thạc sĩ	Nội khoa	003169/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	9	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Tim mạch	5
11	Đặng Quang Hưng	Ths	Nội khoa	003170/HP- CCHN	Nội khoa	9				
12	Bùi Thị Ánh Ngọc	Thạc sĩ	Nội khoa	003167/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	9				
13	Phùng Đức Lâm	Tiến sĩ	Nội khoa	001109/HP- CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	10	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Thần kinh	5
14	Nguyễn Duy Mạnh	Tiến sĩ	Nội khoa	001474/HP- CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	9				
15	Đặng Việt Hùng	Tiến sĩ	Nội khoa	005941/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	8				



11. Đào tạo Bác sĩ Nội trú Nội khoa

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Vũ Thị Mai	Bác sĩ CKI	Nội khoa	003165/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	7	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Nội 1	4
2	Phan Thị Lan	Bác sỹ	Nội khoa	004540/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa; HSCC	6				
3	Lương Đình Hạ	Thạc sĩ	Nội khoa	004228/HP- CCHN	KB,CB chuyên khoa Nội	6	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Nội 2	4
4	Lê Thị Diệu Hiền	Thạc sĩ	HSCC	0012603/BYT- CCHN	KB,CB chuyên khoa HSCC	7				
5	Kê Thị Lan Anh	Thạc sĩ	Nội khoa	0012604/HP- CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	7	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Nội 3	4
6	Tổng Thị Loan	Thạc sĩ	Nội khoa	002531/HP- CCHN	KB,CB Chuyên khoa Nội	7				
7	Phạm Hải Đăng	BSCCKII	Đa khoa	004222/HP-CCHN	KB,CB Chuyên khoa Nội	6	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Tim mạch	4
8	Nguyễn Thị Hoàn	Thạc sĩ	Nội khoa	006256/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	6				
9	Vũ Minh Ngọc	Thạc sĩ	Nội khoa	001168/HP- CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	8	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Thần kinh	5
10	Trần Thị Thanh Hương	BSCCKI	Nội thần kinh	005935/HP- CCHN	KB,CB Nội thần kinh	6				
11	Nguyễn Thị Huyền Thu	Thạc sĩ	Nội thần kinh	005934/HP- CCHN	KB,CB Nội thần kinh	6				



12. Đào tạo Nội trú Ngoại khoa

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Bùi Văn Tùng	BSCKII	Ngoại khoa	004538/HP- CCHN	Ngoại khoa	6	TH lâm sàng	TH lâm sàng	Ngoại 7	2
2	Nguyễn Đức Thành	Tiến sĩ	Ngoại khoa	002868/HP-CCHN	Ngoại khoa	6	TH lâm sàng	TH lâm sàng	Ngoại 9	2
3	Nguyễn Xuân Mai	BSCKI	Ngoại khoa	005402/HP- CCHN	Ngoại khoa	6	TH lâm sàng	TH lâm sàng	Ngoại 10	2
4	Nguyễn Đức Tiến	Thạc sĩ	Ngoại khoa	0012600/BYT-CHN	Ngoại khoa	6	TH lâm sàng	TH lâm sàng	Ngoại 11	2
5	Nguyễn Quốc Nam	BSCKII	Ngoại khoa	000189/HP-CCHN	Ngoại khoa	8	TH lâm sàng	TH lâm sàng	Ngoại 12	2
6	Nguyễn Thị Bích Ngọc	BSCKI	Ngoại khoa	003476/HP-CCHN	Ngoại khoa	6	TH lâm sàng	TH lâm sàng	LN-TM	2

13. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa 1 chuyên ngành Tai mũi họng

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Quang Hùng	Tiến sĩ	Tai mũi họng	000285/HP- CCHN	Tai mũi họng	9	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Tai mũi họng	15
2	Trần Ngọc Thủy	Bác sĩ CKII	Tai mũi họng	003174/HP- CCHN	Tai mũi họng	9				
3	Quản Trọng Thành	Bác sĩ CKI	Tai mũi họng	000229/HP- CCHN	Tai mũi họng	9				
4	Nguyễn Thanh Huyền	Bác sĩ CKI	Tai mũi họng	001606/HP- CCHN	Tai mũi họng	9				
5	Phạm Thị Thu Thủy	Bác sĩ CKI	Tai mũi họng	000038/HP- CCHN	Tai mũi họng	9				
6	Lương Tuấn Thành	Thạc sĩ	Tai mũi họng	000646/HP- CCHN	Tai mũi họng	9				
7	Nguyễn Ngọc Hà	Tiến sĩ	YTCC	000141/HP- CCHN	Tai mũi họng	9				
8	Phạm Thị Hương	Bác sĩ CKI	Tai mũi họng	000429/HP- CCHN	Tai mũi họng	9				
9	Tô Thị Kim Oanh	Bác sĩ	Đa khoa	005764/HP- CCHN	Tai mũi họng	8				

14. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa 1 chuyên ngành Ung thư

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Anh Cường	Tiến sĩ	Ung bướu	005882/HP- CCHN	Ung bướu	6	Ung bướu	Chẩn đoán, điều trị và các phương pháp thủ thuật phẫu thuật	Trung tâm Ung bướu	18
2	Lê Minh Quang	PGS.TS	Ung bướu	005732/HP- CCHN; QĐ 178/QĐ-SYT	KB,CB chuyên khoa Ung bướu; KB,CB chuyên khoa Ngoại	6				
3	Nguyễn Lam Hòa	PGS.TS	Ung bướu	004504/BYT- CCHN	Ung bướu	6				
4	Đỗ Thị Phương Chung	Thạc sĩ	Ung bướu	005487/HP- CCHN	Ung bướu	6				
5	Trần Quang Hưng	Thạc sĩ	Ngoại ung bướu	008851/HP- CCHN	KB,CB chuyên khoa Ung bướu; KB,CB chuyên khoa Ngoại	4				
6	Đỗ Đình Toàn	Thạc sĩ	Ngoại khoa	000292/HP- CCHN	Ngoại khoa	8				
7	Nguyễn Quang Thành	Thạc sĩ	Nội ung thư	006944/HP- CCHN	KB,CB Chuyên khoa Nội ung thư	5				
8	Nguyễn Bá Mạnh	Thạc sĩ	Ngoại khoa	006974/HP- CCHN	Ngoại khoa	5				
9	Trần Đức Linh	Thạc sĩ	Ung bướu	008574/HP- CCHN	Ung bướu	4				
10	Bùi Ngọc Nam	Thạc sĩ	Ngoại khoa	008569/HP- CCHN	Ngoại khoa	4				

15. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa 1 chuyên ngành Chẩn đoán hình ảnh

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm Ngọc Nhiên	BSCCKII	CDHA	000074/HP- CCHN	Phòng khám CDHA	8	CDHA bộ máy tiêu hóa; CDHA bộ máy tiết niệu sinh dục; CDHA bộ máy tim phổi & lồng ngực; CDHA bộ máy xương khớp, mạch máu và 1 số tuyến nội tiết; CDHA hệ thần kinh	Thực hành lâm sàng	CDHA	
2	Phạm Trung Tuyên	BSCCKI	CDHA	000851/HP- CCHN	Phòng khám CDHA	8				
3	Nguyễn Thị Thu Hà	Bác sĩ CKI	CDHA	000290/HP- CCHN	Phòng khám CDHA	8				
4	Vũ Duy Thịnh	Bác sĩ CKI	CDHA	005382/HP- CCHN	Chuyên khoa CDHA	6				
5	Bùi Hoàng Tú	Thạc sĩ	CDHA	001543/HP- CCHN	Chuyên khoa CDHA	7				
6	Nguyễn Văn Long	Thạc sĩ	CDHA	0023065/BYT- CCHN	Chuyên khoa CDHA	6				
7	Nguyễn Thị Hải Liên	BSCCKI	CDHA	005897/HP- CCHN	Chuyên khoa CDHA	6				
8	Lê Thị Bích Hằng	Bác sĩ CKI	CDHA	001187/HP- CCHN; QĐ 1379/QĐ-SYT	KB,CB Nội tổng hợp; chuyên khoa CDHA	8				
9	Tạ Thị Mai Dung	BSCCKI	CDHA	002642/HP- CCHN	Chuyên khoa CDHA	7				



16. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa 1 chuyên ngành Xét nghiệm y học

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Hoàng Văn Phóng	TS.BS	Huyết học truyền máu	000799/HP- CCHN	KB,CB chuyên khoa huyết học truyền máu	8	Huyết học truyền máu	Thực hành lâm sàng	HHTM	
2	Nguyễn Thị Thu Hiền	Thạc sĩ	Huyết học truyền máu	004209/HP- CCHN	Chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	6				
3	Nguyễn Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Huyết học truyền máu	004224HP- CCHN	Chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	6				
4	Đoàn Thị Út	Thạc sĩ	Nội khoa	027947/BYT-CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	4				
5	Đoàn Văn Hiền	Thạc sĩ	YTCC		KSNK	14	Kiểm soát nhiễm khuẩn	Thực hành lâm sàng	KSNK	
6	Vũ Thị Lan	Bác sĩ	Y học dự phòng			4				
7	Đào Văn Tùng	TS.BS	Xét nghiệm	004487/HP- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm (hóa sinh)	6	Hóa sinh	Thực hành lâm sàng	Sinh hóa	
8	Nguyễn Thị Như Ái	Thạc sĩ	Xét nghiệm	004485/HP- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm (hóa sinh)	6				
9	Trần Đức	TS.BS	Xét nghiệm	000574/HP- CCHN	Phòng xét nghiệm	8	Vi sinh	Thực hành lâm sàng	Vi sinh	
10	Nguyễn Trường Giang	Thạc sĩ	Giải phẫu bệnh	006653/HP- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm (giải phẫu bệnh)	6	Giải phẫu bệnh	Thực hành lâm sàng	GPB	



17. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa 1 chuyên ngành Gây mê hồi sức

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm Đức Chiến	Thạc sĩ	Đa khoa	008865/HP- CCHN	Ngoại khoa	4	Ngoại khoa	Thực hành lâm sàng	Ngoại 7	2
2	Nguyễn Vũ	Thạc sĩ	Ngoại khoa	0017444/BYT-CCHN	Ngoại khoa	6			Ngoại 9	2
3	Phạm Trung Dũng	BSCKI	Ngoại khoa	0026668/BYT- CCHN	Ngoại khoa	5			Ngoại 10	2
4	Lê Văn Tuấn	Thạc sĩ	Ngoại khoa	004226/HP- CCHN	Ngoại khoa	6			Ngoại 11	2
5	Mạc Kiên Quyết	Thạc sĩ	Ngoại khoa	002229/HP- CCHN	Ngoại khoa	7			Ngoại 12	2
6	Đỗ Đức Thắng	BSCKI	Đa khoa	005883/HP- CCHN	Ngoại khoa	6			LN-TM	2
7	Vũ Thị Thanh Nga	Bác sĩ CKI	Gây mê hồi sức	004223/HP- CCHN	Gây mê hồi sức	6	Gây mê cơ bản; Gây mê chuyên sâu; Gây tê;	Thực hành lâm sàng	GMHS	2
8	Lê Bá Long	Thạc sĩ	HSCC	003823/HP- CCHN	Chuyên khoa HSCC	6	HSTC ngoại khhoa	Thực hành lâm sàng	HSTC ngoại	5
9	Nguyễn Thắng Toàn	TS.BS	HSCC	003825/HP- CCHN	Chuyên khoa HSCC	6				
10	Đặng Quang Chung	Thạc sĩ	HSCC	005713/HP- CCHN	KB,CB chuyên khoa HSCC	6				
11	Phạm Thu Hương	BSCKI	Nội khoa	004237/HP- CCHN	Nội khoa, HHTM	10	Huyết học truyền máu	Thực hành lâm	HH-TM	

18. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa 1 chuyên ngành Hóa sinh

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Bùi Thị Tuyết Anh	Thạc sĩ	Xét nghiệm	009257/HP- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm (hóa sinh)	3	Hóa sinh cấu trúc & chức năng; Hóa sinh chuyển hóa chất; Hóa sinh mô cơ quan; Hóa sinh lâm sàng; Nguyên tắc cơ bản & kỹ thuật TH	Thực hành lâm sàng	Hóa sinh	
2	Đỗ Ngọc Hải	TS.BS	Hóa sinh	004486/HP-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm (hóa sinh)	6				
3	Hoàng Thị Loan	BSCKI	Xét nghiệm	001324/HP-CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm (hóa sinh)	7				

19. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa 1 chuyên ngành Lao và bệnh phổi

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm Thị Phương Nam	Tiến sĩ	Nội khoa	003161/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	7	Bệnh phổi ngoài lao; Bệnh phổi hiếm gặp	Thực hành lâm sàng	Nội 2	4
2	Đinh Thị Phương Lan	BSCCKII	Nội khoa	003160/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	7				
3	Bùi Văn Tám	Thạc sĩ	Nội khoa	001389/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	7	Hồi sức cấp cứu nội khoa	Thực hành lâm sàng	HSTC nội	4
4	Phạm Thị Hoài Thanh	Thạc sĩ	Nội khoa	003810/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	6				

20. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa 1 chuyên ngành Mắt

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thị Thanh Thu	BSCKII	Mắt	001005/HP- CCHN	Mắt	8	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Mắt	6
2	Bùi Thị Thúy Hải	Thạc sĩ	Mắt	005415/HP- CCHN	Mắt	6				
3	Nguyễn Quốc Sơn	Bác sĩ CKI	Mắt	000382/HP- CCHN	Mắt	8				



21. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa 1 chuyên ngành Ngoại khoa

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu TH	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm Thanh Hải	Thạc sĩ	Ngoại khoa	003173/HP- CCHN	Ngoại khoa	5	Ngoại tiết niệu	TH lâm sàng	Ngoại 7	2
2	Cao Minh Tiếp	Thạc sĩ	Ngoại khoa	001307/HP- CCHN	Ngoại khoa	6	Tiêu hóa - gan mật	TH lâm sàng	Ngoại 9	2
3	Nguyễn Văn Việt	Thạc sĩ	Ngoại khoa	005946/HP- CCHN	Ngoại khoa	4	Chấn thương - chỉnh hình	TH lâm sàng	Ngoại 10	2
4	Lê Minh Sơn	Thạc sĩ	Ngoại khoa	004229/HP- CCHN	Ngoại khoa	4	PT sọ não - lồng ngực	TH lâm sàng	LN-TM	2
5	Phạm Thanh Tuấn	Thạc sĩ	Ngoại khoa	006440/HP- CCHN	Ngoại khoa	4			Ngoại 12	2
6	Bùi Thu Hiền	Bác sĩ CKI	Đa khoa	006059/HP- CCHN; 50/QĐ-SYT	KB,CB Nội khoa; GMHS	4	Gây mê hồi sức	TH lâm sàng	GMHS	2



22. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa 1 chuyên ngành Nội khoa

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu TH	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Vũ Thị Thu Trang	Thạc sĩ	Đa khoa	0012582/HP- CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	5	TH lâm sàng	TH lâm sàng	Nội 1	2
2	Nguyễn Thành Phương	Thạc sĩ	CDHA	003162/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa, chuyên khoa CDHA	5	TH lâm sàng	TH lâm sàng	Nội 2	2
3	Đặng Thị Kim Thanh	Thạc sĩ	Đa khoa	005888/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	4	TH lâm sàng	TH lâm sàng	Nội 3	2
4	Hoàng Phương Nam	Thạc sĩ	Đa khoa	005891/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	4	TH lâm sàng	TH lâm sàng	Tim mạch	2
5	Ngô Văn Dũng	Thạc sĩ	Thần kinh	0027934/BYT- CCHN	KB,CB chuyên khoa thần kinh	3	TH lâm sàng	TH lâm sàng	Thần kinh	4
6	Nguyễn Tuấn Lượng	Thạc sĩ	Thần kinh	0027933/BYT- CCHN	KB,CB chuyên khoa thần kinh	3				

23. Đào tạo Bác sĩ chuyên khoa 1 chuyên ngành Răng hàm mặt

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIUỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phan Thị Thúy Ngân	BSCKII	Răng hàm mặt	000536/HP-CCHN	Răng hàm mặt	6	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Răng hàm mặt	7
2	Nguyễn Thị Kim Loan	BSCKII	Răng hàm mặt	000049/HP- CCHN	Răng hàm mặt	6				
3	Nguyễn Thái Hòa	BSCKI	Răng hàm mặt	001024/HP- CCHN	Răng hàm mặt	6				
4	Nguyễn Thị Yến	Bác sĩ CKI	Răng hàm mặt	000047/HP- CCHN	Răng hàm mặt	6				

24. Đào tạo Bác sĩ Đa khoa

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đặng Chiêu Dương	Ths	Nội khoa	000896/HP- CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	6	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Nội 1	7
2	Bùi Thị Dung	Bác sĩ	Đa khoa	005895/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	4				
3	Phạm Thị Thanh Thảo	Thạc sĩ	Nội khoa	003179/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	5	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Nội 2	7
4	Trịnh Hồng Nhung	Thạc sĩ	Nội khoa	0027935/BYT-CCHN	KB,CB chuyên khoa Nội tổng hợp	3				
5	Lê Huy Hoàng	Thạc sĩ	Đa khoa	006287/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	4	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Nội 3	10
6	Nguyễn Ngọc Ánh	Thạc sĩ	Đa khoa	0012594/BYT-CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	5				
7	Nguyễn Thị Thủy	Bác sĩ CKI	Nội khoa	005103/BYT- CCHN	Nội khoa	5				
8	Đỗ Tuyết Ngọc	Bác sĩ	Nội khoa	003157/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	5	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Nội 4	10
9	Vũ Thị Ninh	Bác sĩ	Nội khoa	006424/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	4				
10	Nguyễn Trọng Đức	Bác sĩ	Nội khoa	005937/HP- CCHN	Nội khoa	4				
11	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	Thạc sĩ	Đa khoa	008221/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	3	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Tim mạch	14
12	Phạm Hương Quỳnh	Bác sĩ	Đa khoa	008335/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	3				
13	Trần Vũ Long	Thạc sĩ	Nội khoa	005939/HP-CCHN	Nội khoa	8				
14	Nguyễn Thị Dung	Bác sĩ	Đa khoa	000445/HP- CCHN	Nội khoa	4				
15	Đào Bá Dương	Bác sĩ	Nội khoa	004502/HP- CCHN	Nội khoa	4	Thần kinh	Thực hành lâm sàng	Thần kinh	10
16	Đào Thị Hồng Hải	Thạc sĩ	Thần kinh	0027932/BYT-CCHN	Nội khoa	3				
17	Chu Thị Thuận	Thạc sĩ	Nội khoa	0025025BYT- CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	4				

TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
18	Phạm Tuấn Đức	Thạc sĩ	Nội khoa	001390/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	5	Nội bệnh lý	Thực hành lâm sàng	HSTC nội	10
19	Phạm An Khang	Thạc sĩ	Nội khoa	001708/HP- CCHN	KB,CB Nội tổng hợp; chuyên khoa CDHA	5				
20	Đoàn Mai Ka	Bác sĩ CKI	Nội khoa	005892/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	4				
21	Dương Văn Thắng	Bác sỹ	Bác sỹ	002903/HP- CCHN	Phục hồi chức năng	6	PHCN	Thực hành lâm sàng	PHCN	7
22	Bùi Thị Bích Ngọc	Thạc sĩ	PHCN	000154/HP- CCHN '004255/HP- CCHN	KB,CB chuyên khoa PHCN	6				
23	Vũ Hải Vinh	Tiến sĩ	Bệnh lý con người, Bệnh truyền nhiễm	006289/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	4	Truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng	BNĐ	7
24	Ngô Anh Thế	Tiến sĩ	Bệnh truyền nhiễm	002581/HP- CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	5				
25	Phan Xuân Cường	Bác sĩ	CDHA	030196/BYT- CCHN	Chuyên khoa CDHA	2	CDHA	Thực hành lâm sàng	CDHA	
26	Vũ Trung Toàn	Bác sĩ	Đa khoa	008224/HP- CCHN	Chuyên khoa CDHA	3				
27	Bùi Sỹ Khanh	Bác sĩ	Đa khoa	008739/HP- CCHN	Ngoại khoa	2	Ngoại khoa	Thực hành lâm sàng	Ngoại 7	7
28	Nguyễn Tiến Thành	Bác sĩ	Đa khoa	009811/HP- CCHN	Ngoại khoa	1				
29	Nguyễn Đức Vinh	Bác sĩ	Đa khoa	008334/HP-CCHN	Ngoại khoa	4	Ngoại khoa	Thực hành lâm sàng	Ngoại 9	7
30	Lê Thị Phương Linh	Bác sĩ	Đa khoa	009956/HP-CCHN	Ngoại khoa	2				
31	Trịnh Đình Thanh	Thạc sĩ	Đa khoa	037115/HP-CCHN	Ngoại khoa	2	Ngoại khoa	Thực hành lâm sàng	Ngoại 10	7
32	Vũ Quyết	Bác sĩ	Đa khoa	010346/HP-CCHN	Ngoại khoa	2				
33	Trịnh Quang Hưng	Bác sĩ	Đa khoa	004247/HP- CCHN	Ngoại khoa	4	Ngoại khoa	Thực hành lâm sàng	Ngoại 11	10
34	Nguyễn Văn Dương	Bác sĩ	Đa khoa	010305/HP-CCHN	Ngoại khoa	2				
35	Vũ Đồng Hoàng Hạng	Bác sĩ	Đa khoa	008333/HP- CCHN	Ngoại khoa	3				
36	Hoàng Xuân Việt	Bác sĩ	Đa khoa	005706/HP-CCHN	Ngoại khoa	5	Ngoại khoa	Thực hành lâm sàng	Ngoại 12	7
37	Phạm Duy Bách	Bác sĩ	BSĐK	010535/HP-CCNHN	KB,CB Ngoại khoa	2				



TT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
38	Nguyễn Công Huy	Bác sĩ	Đa khoa	004208/HP- CCHN	Ngoại khoa	4	Ngoại khoa	Thực hành lâm sàng	LN-TM	4
39	Mạc Kiên Cường	Bác sĩ	Đa khoa	002883/HP- CCHN	KB,CB chuyên khoa TMH	2	Ung bướu	Thực hành lâm sàng	Ung bướu	8
40	Nguyễn Đức Hưng	Thạc sĩ	Ung bướu	030599/ BYT- CCHN	Ung bướu	2				
41	Nguyễn Văn Hà	Thạc sĩ	Da liễu	001326/HP- CCHN	KB,CB CK Da liễu	6	Da liễu	Thực hành lâm sàng	Da liễu	7
42	Nguyễn Thị Xuân Hương	Thạc sĩ	Da liễu	001240/HP- CCHN	KB,CB CK Da liễu	6				
43	Bùi Thị Kiều Anh	Thạc sĩ	Mắt	002905/HP- CCHN	Mắt	5	Mắt	Thực hành lâm sàng	Mắt	10
44	Vũ Như Chiến	Thạc sĩ	Mắt	006252/HP- CCHN	Mắt	4				
45	Nguyễn Thị Hải Yến	Bác sĩ	Đa khoa	008336/HP- CCHN	Mắt	3				
46	Nguyễn Bá Dân	Bác sĩ	Đa khoa	006655/HP- CCHN	Gây mê hồi sức	5	Gây mê hồi sức	Thực hành lâm sàng	Gây mê hồi sức	4



25. Đào tạo Bác sĩ Y học dự phòng

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thị Phương	Bác sĩ	Đa khoa	26810/BYT-CCHN	Ung bướu	3	Ung bướu	Thực hành lâm sàng	Ung bướu	10
2	Đào Thị Bích Thủy	Bác sĩ	Đa khoa	004448/HP- CCHN	Nội khoa	4				
3	Nguyễn Thị Hằng	Bác sĩ	Đa khoa	005934/HP- CCHN	Nội khoa	4				
	Phạm Thị Nga	Tiến sĩ	Đa khoa	004499/HP-CCHN	Da liễu	4	Da liễu	Thực hành lâm sàng	Da liễu	7
	Nguyễn Thị Huyền	BSCKI	Đa khoa	005506/HP-CCHN	Da liễu	4				
7	Vũ Thị Tố Uyên	Bác sĩ	Nội khoa	009842/HP-CCHN	Nội khoa	2	Thần kinh	Thực hành lâm sàng	Thần kinh	4
8	Đặng Duy Nhất	Bác sĩ	Nội khoa	0015590/BYT-CCHN	Nội khoa	4	BNĐ	Thực hành lâm sàng	BNĐ	4
10	Phạm Đức Sơn	BSCKI	Đa khoa	007228/HP- CCHN	Chuyên khoa CĐHA	3	CĐHA	Thực hành lâm sàng	CĐHA	
11	Nguyễn Văn Thúc	Bác sĩ CKI	CĐHA	0022794/BYT-CCHN	Chuyên khoa CĐHA	4				

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
12	Nguyễn Thị Huê	Bác sĩ	Đa khoa	004554/HP- CCHN	Nội khoa	6	Nội 1	Thực hành lâm sàng	Nội 1	4
13	Phạm Thị Thanh Thảo	Bác sĩ	Đa khoa	003179/HP- CCHN	Nội khoa	6	Nội 2	Thực hành lâm sàng	Nội 2	4
14	Trần Thị Ánh Tuyết	Bác sĩ	Đa khoa	006924/HP- CCHN	Nội khoa	5	Nội 3	Thực hành lâm sàng	Nội 3	4
15	Nguyễn Văn Tuyết	Bác sĩ	Đa khoa	005942/HP- CCHN	Nội khoa	6	Nội 4	Thực hành lâm sàng	Nội 4	4
16	Lê Thị Kim Dung	Bác sĩ	Đa khoa	004261/HP- CCHN	Nội khoa	6	Tim mạch	Thực hành lâm sàng	Tim mạch	4

26. Đào tạo Dược sĩ Đại học

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIUỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thị Hiền	Thạc sĩ	Dược	00375/HP- CCHND	Dược sĩ	4	Dược	Quan sát dược sĩ áp dụng kiến thức chuyên môn ở nhiều lĩnh vực thực hành, làm quen môi trường nghề nghiệp - Áp dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào các hoạt động dược tại nhà thuốc khoa dược và các khoa lâm sàng tại bệnh viện	Dược	
2	Hà Thị Hương Trà	Dược sĩ CKI	Dược	00546/HP- CCHND	Dược sĩ	4				
3	Đỗ Quỳnh Phương	Dược sĩ	Dược	05475/HP- CCHN	Dược sĩ	3				
4	Đặng Khánh Linh	Dược sĩ	Dược	49-11/CCHND-SYT	Dược sĩ	7				
5	Nguyễn Thị Mai Ngân	Dược sĩ	Dược	388/CCHND-SYT	Dược sĩ	2				
6	Trần Thị Thanh Huyền	Dược sĩ	Dược	1680/CCHND-SYT	Dược sĩ	3				

27. Đào tạo Điều dưỡng Đại học

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Phạm Thị Liễu	Thạc sĩ Điều dưỡng	Điều dưỡng	006571/HP-CCHN	Điều dưỡng	4	Khoa Điều dưỡng	Quản lý Điều dưỡng; Chức trách của Điều dưỡng trưởng; Nhiệm vụ của Điều dưỡng trưởng	Phòng Điều dưỡng	
2	Vũ Thị Minh Thu	Ths YTCC	Điều dưỡng	006572/HP-CCHN	Điều dưỡng	4				
3	Trần Thị Kim Dung	CNĐHDD	Điều dưỡng	006568/HP-CCHN	Điều dưỡng	4				
4	Dương Thị Ánh Dương	CNĐHDD	Điều dưỡng	006569/HP-CCHN	Điều dưỡng	4				
5	Phạm Thị Nhữ	CNĐHDD	Điều dưỡng	006567/HP-CCHN	Điều dưỡng	4				
6	Bùi Đức Hiền	Bác sĩ	Đa khoa	0035549/HP-CCHN	Nội khoa	2	Điều dưỡng Nội	Thực hành lâm sàng	Nội 1	4
7	Nguyễn Thị Thanh Phượng	CNĐHDD	Điều dưỡng	004569/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	Điều dưỡng Nội	Thực hành lâm sàng	Nội 2	4
8	Đoàn Thị Hà	CNĐHDD	Điều dưỡng	005496/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	Điều dưỡng Nội	Thực hành lâm sàng	Nội 3	4
9	Nguyễn Thúy Hằng	CNĐHDD	Điều dưỡng	004507/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	Điều dưỡng Nội	Thực hành lâm sàng	Nội 4	7
10	Nguyễn Thị Minh Thành	CNĐHDD	Điều dưỡng	004840/HP- CCHN	Điều dưỡng	4				
11	Lê Thị Phượng	CNĐHDD	Điều dưỡng	004491/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	Điều dưỡng Nội	Thực hành lâm sàng	Tim mạch	7
12	Trần Ngọc Hải	CNĐHDD	Điều dưỡng	006184/HP- CCHN	Điều dưỡng	4				
13	Nguyễn Thị Kim Dung	Bác sĩ	Điều dưỡng	031017/BYT- CCHN	Điều dưỡng	5	Điều dưỡng Nội	Thực hành lâm sàng	Thần kinh	7
14	Vũ Thị Phượng	CNĐHDD	Điều dưỡng	006174/HP- CCHN	Điều dưỡng	5				
15	Nguyễn Thị Hạnh	CNĐHDD	Điều dưỡng	003814/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	Điều dưỡng Nội	Thực hành lâm sàng	HSTC nội	4
16	Vũ Thị Hồng Mai	CNĐHDD	Điều dưỡng	002901/HP- CCHN	Điều dưỡng	5	Phục hồi chức năng	Thực hành lâm sàng	PHCN	4



STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
17	Trần Thị Thương	Bác sĩ		0027610/BYT-CCHN; 1268/QĐ-SVT	KB, CB chuyên khoa Nội, KB, CB	3	Truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng	Bệnh nhiệt đới	4
18	Nguyễn Thị Bích Thủy	KTVĐH	KTV	008952/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	2	Huyết học	Thực hành lâm sàng	HHTM	
19	Đào Trọng Hải	KTVĐH	KTV	005417/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	4				
20	Trần Thị Thu Hằng	KTVĐH	KTV	005495/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	4				
21	Lê Thị Hòa	KTVĐH	KTV	008617/HP- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	2				
22	Nguyễn Việt Hoàng	KTVĐH	KTV	007124/HP- CCHN	Huyết học truyền máu	3				
23	Vũ Thị Hải Yến	CNĐHĐD	Điều dưỡng	004462/HP- CCHN	Điều dưỡng	4				
24	Đỗ Minh Tùng	Tiến sĩ	Ngoại khoa	0012613/BYT-CCHN	Ngoại khoa	5	Điều dưỡng Ngoại	Thực hành lâm sàng	Ngoại 7	7
25	Vũ Thị Xuân	CNĐHĐD	Điều dưỡng	004550/HP- CCHN	Điều dưỡng	4				
26	Trịnh Thị Nga	CNĐHĐD	Điều dưỡng	002923/HP- CCHN	Ngoại khoa	5	Điều dưỡng Ngoại	Thực hành lâm sàng	Ngoại 9	7
27	Đặng Thị Kim Oanh	CNĐHĐD	Điều dưỡng	004844/HP- CCHN	Ngoại khoa	4				
28	Võ Thị Minh Thái	CNĐHĐD	Điều dưỡng	005411/HP- CCHN	Ngoại khoa	4	Điều dưỡng Ngoại	Thực hành lâm sàng	Ngoại 10	7
29	Lê Văn Mạg	CNĐH; Ths YTCC	Điều dưỡng	004210/HP-CCHN	Điều dưỡng	4				
30	Trần Thị Phương Liên	CNĐHĐD	Điều dưỡng	008810/HP- CCHN	Điều dưỡng	2	Điều dưỡng Ngoại	Thực hành lâm sàng	Ngoại 11	4



STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
31	Đoàn Thị Nga	CNĐHDD	Điều dưỡng	007185/HP- CCHN	Ngoại khoa	3	Điều dưỡng Ngoại	Thực hành lâm sàng	Ngoại 12	4
32	Ngô Thị Vân	CNĐHDD	Điều dưỡng	003687/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	Điều dưỡng ngoại	Thực hành lâm sàng	LN-TM	4
33	Lê Thị Thu Lan	CNĐHDD	Điều dưỡng	006164/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	Điều dưỡng ngoại	Thực hành lâm sàng	Cấp cứu	4
34	Đào Thị Lan Anh	CNĐHDD	Điều dưỡng	005702/HP- CCHN	Da liễu	4	Da liễu	Thực hành lâm sàng	Da liễu	4

28. Đào tạo Đại học chuyên ngành Răng hàm mặt

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIUỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thị Trang	Bác sĩ	Đa khoa	006654/HP- CCHN	Răng hàm mặt	4	Răng - Hàm - Mặt	Thực hành lâm sàng	RHM	7
2	Lương Xuân Quỳnh	Bác sĩ	Đa khoa	0012548/BYT- CCHN	Răng hàm mặt	5				
3	Cao Bích Ngọc	Bác sĩ CKI	Da liễu	009688/HP- CCHN; 005940/HP-CCHN	KB,CB CK Da liễu; KCB Nội khoa	4	Da liễu	Thực hành lâm sàng	Da liễu	4
4	Phạm Thị Vân Anh	Thạc sĩ	Nội khoa	0027928/BYT-CCHN	KB,CB chuyên khoa Nội tổng hợp	3	Truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng	BNĐ	4
5	Nguyễn Thị Thu Hà	Bác sĩ	Nội khoa	010943/HP- CCHN	Nội khoa	2	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Nội 1	4
6	Trịnh Hồng Nhung	Bác sĩ	Nội khoa	0027935/BYT- CCHN	Nội khoa	4	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Nội 2	4
7	Phạm Thùy Dương	Bác sĩ	Nội khoa	007412/TB- CCHN	Nội khoa	2	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Nội 3	4
8	Nguyễn Thị Minh Đức	Bác sĩ	Nội khoa	003556/HP- CCHN	Nội khoa	6	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Nội 4	4
9	Nguyễn Thị Phương Thảo	Bác sĩ	Nội khoa	000139/HP- CCHN	Nội khoa	7	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Tim mạch	4
10	Vũ Thị Trang	Bác sĩ	Nội khoa	004496/HP- CCHN	Nội khoa	5	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Thần kinh	4

29. Đào tạo Đại học chuyên ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trần Thị Ngọc Anh	Thạc sĩ	Đa khoa	005893/HP-CCHN	KB,CB chuyên khoa huyết học truyền máu	4	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành lâm sàng	HHTM	
2	Vũ Thị Như Quỳnh	Thạc sĩ	Huyết học truyền máu	005480/HP- CCHN	Chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	4				
3	Đào Bá Dương	Bác sĩ CKI	Huyết học truyền máu	004502/HP- CCHN	Chuyên khoa Huyết học - Truyền máu	4				
4	Phạm Thu Hương	BSCKI	Nội khoa	004237/HP- CCHN; QĐ 610/QĐ-SYT	KB,CB Nội khoa; KB,CB chuyên khoa Huyết học truyền máu	4				
5	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Bác sĩ CKI	Huyết học truyền máu	004245/HP- CCHN	Huyết học - Truyền máu	4				
6	Đỗ Thị Quyên	Bác sĩ	Đa khoa	005886/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	4				
7	Vũ Thị Nhung	Bác sĩ	Đa khoa	008220/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	3				
8	Trần Thị Anh	Bác sĩ	Đa khoa	008571/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	2				
9	Đỗ Thị Thanh Loan	Thạc sĩ	Nội khoa	027946/BYT-CCHN	KB,CB Nội tổng hợp	2				
10	Nguyễn Thị Bảo Hà	Bác sĩ	Đa khoa	005887/HP- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	4	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành lâm sàng	Sinh hóa	
11	Phạm Thị Nguyệt	Kỹ sư	Xét nghiệm	009258/HP- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm (hóa sinh)	2				
12	Nguyễn Thị Mai Hương	KTVĐH	Xét nghiệm	000385/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	6				
13	Phạm Khắc Tùng	Thạc sĩ	Xét nghiệm	008229/HP- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	3				

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
14	Lại Thị Quỳnh	Thạc sĩ	Xét nghiệm	005890/HP- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm	4	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành lâm sàng	Vi sinh	
15	Trương Thị Lan Anh	Bác sĩ	Đa khoa	006656/HP- CCHN	KB,CB Nội khoa	4				
16	Bùi Thị Thư	CN XNYH	Xét nghiệm	002587/HP-CCHN	Vi sinh	5				
17	Nguyễn Thị Vân	KTVĐH	Xét nghiệm	005889/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	4				
18	Đặng Thị Loan	Bác sĩ	Đa khoa	009843/HP- CCHN	Chuyên khoa giải phẫu bệnh	1	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Thực hành lâm sàng	Giải phẫu bệnh lý	
19	Trịnh Văn Mừng	KTV ĐH	Xét nghiệm	001744/HP- CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	5				
20	Trần Thị Hòa	KTVĐH	Xét nghiệm	009657/HP- CCHN	Chuyên khoa xét nghiệm (giải phẫu bệnh)	1				
21	Phạm Thị Thảo	KTVĐH	Xét nghiệm	009316/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	2				



30. Đào tạo Đại học chuyên ngành Y học cổ truyền

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ghế răng đạt yêu cầu TH	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	
1	Nguyễn Thị Phương Thảo	Bác sĩ	Đa khoa	0012618/BYT-CCHN	Ung bướu	4	Ung bướu	Thực hành lâm sàng	Ung bướu	10	
2	Trần Thị Bích Thủy	Bác sĩ CKI	Ung bướu	007099/HP- CCHN	Ung bướu	3					
3	Đỗ Thị Thanh Loan	Bác sĩ	Đa khoa	0027946HP- CCHN	Nội khoa	2					
4	Nguyễn Thị Lệ Thủy	Thạc sĩ	Đa khoa	0012502/BYT-CCHN	KB,CB CK Da liễu	5	Da liễu	Thực hành lâm sàng	Da liễu	4	
5	Đào Bá Dương	Bác sĩ	Nội khoa	010416/HP-CCHN	Nội khoa	2	Thần kinh	Thực hành lâm sàng	Thần kinh	4	
6	Dương Quang Lưu	Bác sĩ CKI	Y học cổ truyền	002897/HP- CCHN	KB,CB bằng Y học cổ truyền	5	Phục hồi chức năng	Thực hành lâm sàng	PHCN	4	
7	Hoàng Thị Thía	Thạc sĩ	Nội khoa	0026809/BYT-CCHN	KB,CB chuyên khoa Nội tổng hợp	3	Truyền nhiễm	Thực hành lâm sàng	BNĐ	4	
8	Nguyễn Thị Linh	Bác sĩ	Nội khoa	011171/HP-CCHN	Nội khoa	2	Chẩn đoán hình ảnh		Thực hành lâm sàng	CĐHA	
9	Nguyễn Tiến Thịnh	Bác sĩ	Nội khoa	011170/HP-CCHN	Nội khoa	2					



STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu TH
10	Nguyễn Thị Thủy	Bác sĩ	Nội khoa	005103/BYT- CCHN	Nội khoa	6	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Nội 1	4
11	Bùi Thị Thu Hằng	Bác sĩ	Nội khoa	003176/HP- CCHN	Nội khoa	6	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Nội 2	4
12	Phạm Quang Khánh	Bác sĩ	Nội khoa	010279/HP- CCHN	Nội khoa	2	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Nội 3	4
13	Tổng Thị Loan	Bác sĩ	Nội khoa	002531/HP- CCHN	Nội khoa	6	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Nội 4	4
14	Bùi Thị Hà	Bác sĩ	Nội khoa	000284/BYT- CCHN	Nội khoa	7	Nội khoa	Thực hành lâm sàng	Tim mạch	4

31. Đào tạo Cao đẳng chuyên ngành Điều dưỡng

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thị Thu Huyền	CNĐHDD	Điều dưỡng	003703/HP-CCHN	Điều dưỡng	4	TH LS	TH LS	Nội 1	5
2	Nguyễn Thị Mai	CNĐHDD	Điều dưỡng	000970/HP-CCHN	Điều dưỡng	6	TH LS	TH LS	Nội 2	5
3	Phạm Thị Luyện	CNCĐDD	Điều dưỡng	006151/HP-CCHN	Nội khoa	5	TH LS	TH LS	Nội 3	5
4	Phạm Thị Hồng Thái	CNĐHDD	Điều dưỡng	003695/HP- CCHN	Điều dưỡng	3	TH LS	TH LS	Nội 4	5
5	Trần Anh Thư	CNCĐDD	Điều dưỡng	003722/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	TH LS	TH LS	Tim mạch	5
6	Nguyễn Thị Dung	CNĐHDD	Điều dưỡng	006182/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	TH LS	TH LS	Thần kinh	5
7	Nguyễn Thị Vân Anh	CNĐHDD	Điều dưỡng	004834/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	TH LS	TH LS	Bệnh nhiệt đới	5
8	Nguyễn Đình Thanh	CNĐHDD	Điều dưỡng	008750/HP- CCHN	Điều dưỡng	2	TH LS	TH LS	Ngoại 7	5
9	Vũ Thị Mai Dung	CNCĐDD	Điều dưỡng	004455/HP- CCHN	Ngoại khoa	4	TH LS	TH LS	Ngoại 9	5
10	Trần Duy Hưng	CNĐHDD	Điều dưỡng	006687/HP-CCHN	Ngoại khoa	4	TH LS	TH LS	Ngoại 10	5
11	Đào Thị Minh Thu	CNCĐDD	Điều dưỡng	004845/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	TH LS	TH LS	Ngoại 11	5
12	Dương Thị Hiền Lương	CNCĐDD	Điều dưỡng	005709/HP- CCHN	Ngoại khoa	4	TH LS	TH LS	Ngoại 12	5
13	Đào Thị Hồng Vân	CNCĐDD	Điều dưỡng	004457/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	TH LS	TH LS	LN-TM	5
14	Phạm Hồng Thắng	CNĐHDD	Điều dưỡng	005727/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	TH LS	TH LS	Ung bướu	25
15	Lê Minh	CNCĐDD	Điều dưỡng	005736/HP- CCHN	Điều dưỡng	4				
16	Nguyễn Thị Thu Phương	CNĐHDD	Điều dưỡng	005726/HP- CCHN	Điều dưỡng	4				
17	Nguyễn Thị Thu Thủy	CNCĐDD	Điều dưỡng	005733/HP-CCHN	Điều dưỡng	4				
18	Nguyễn Thị Minh Khánh	CNĐHDD	Điều dưỡng	005718/HP- CCHN	Điều dưỡng	4				
19	Bùi Thị Nhị	CNĐHDD	Điều dưỡng	003805/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	TH LS	TH LS	HSTC ngoại	5
20	Vũ Việt Thanh	CNĐHDD	Điều dưỡng	000817/HP-CCHN	Điều dưỡng	4	TH LS	TH LS	HSTC nội	5

32. Đào tạo Cao đẳng chuyên ngành Dược

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thị Mai Ngân	Dược sĩ	Dược	388/CCHND-SYT	Dược	1	Dược thực hành	Quan sát dược sĩ áp dụng kiến thức chuyên môn ở nhiều lĩnh vực thực hành, làm quen môi trường nghề nghiệp - Áp dụng kiến thức và kỹ năng đã học vào các hoạt động dược tại nhà thuốc khoa dược và các khoa lâm sàng tại bệnh viện	Dược	
2	Nguyễn Quốc Hùng	Dược sĩ	Dược	1566/CCHND-SYT	Dược	3				
3	Đào Bá Quyết	Dược sĩ	Dược	688/CCHND-SYT-HP	Dược	1				
4	Đinh Thị Thu Hương	Dược sĩ	Dược	646/CCHND-SYT-HP	Dược	1				
5	Trần Thị Thanh Huyền	Dược sĩ	Dược	1680/CCHND-SYT	Dược	3				
6	Trần Thị Hằng	Dược sĩ	Dược	004571/HP- CCHN	Dược	6				
7	Nguyễn Thị Hương	Dược sĩ	Dược	003815/HP- CCHN	Dược	6				
8	Lê Thị Hoài Thu	Dược sĩ	Dược	003807/HP- CCHN	Dược	6				

33. Đào tạo Cao đẳng chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh y học

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Nguyễn Thành Công	KTV	hình ảnh y học	029665/BYT-CCHN	Chuyên khoa CDHA	2	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Chẩn đoán hình ảnh	
2	Lê Ngọc Hải	KTVĐH	hình ảnh y học	005385/HP- CCHN	KTV chụp Xquang	4				
3	Nguyễn Văn Năm	KTVĐH	hình ảnh y học	006441/HP- CCHN	KTV chụp Xquang	4				
4	Lê Trác Dương	KTVĐH	hình ảnh y học	004810/HP- CCHN	KTV chụp Xquang	4				
5	Nguyễn Trọng Chính	KTVĐH	hình ảnh y học	008391/HP- CCHN	KTV CDHA	3				
6	Nguyễn Đức Tình	KTVĐH	hình ảnh y học	005493/HP- CCHN	KTV chụp Xquang	4				
7	Nguyễn Thị Hường	KTVCD	hình ảnh y học	006810/HP- CCHN	Điều dưỡng	3				
8	Bùi Hữu Nghĩa	KTVĐH	hình ảnh y học	005368/HP- CCHN	KTV hình ảnh y học	4				
9	Nguyễn Anh Đức	KTVCD	hình ảnh y học	005401/HP- CCHN	KTV hình ảnh y học	4				
10	Hoàng Hải	KTVĐH	hình ảnh y học	005387/HP- CCHN	KTV HA y học	4				
11	Bùi Đức Ngọt	KTVCD	hình ảnh y học	005378/HP- CCHN	Điều dưỡng	4				
12	Trịnh Đình Thiêm	KTVCD	hình ảnh y học	005375/HP- CCHN	KTV HA y học	4				
13	Bùi Văn Tinh	KTVCD	hình ảnh y học	005386/HP- CCHN	KTV HA y học	4				
14	Lê Hồng Hiệp	KTVCD	hình ảnh y học	008389/HP- CCHN	KTV CDHA	3				
15	Nguyễn Hải Đăng	KTVCD	hình ảnh y học	008392/HP- CCHN	KTV CDHA	3				
16	Nguyễn Mạnh Cường	KTVCD	hình ảnh y học	008390/HP- CCHN	KTV CDHA	3				
17	Nguyễn Ngọc Anh	CNĐHDD	Điều dưỡng	004478/HP- CCHN	Điều dưỡng	4				

34. Đào tạo Cao đẳng chuyên ngành Xét nghiệm Y học

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIƯỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đào Trọng Hiến	KTVCD	Xét nghiệm	004470/HP- CCHN	Thực hiện KT xét nghiệm	4	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Sinh hóa	
2	Nguyễn Thúy Việt	KTVCD	Xét nghiệm	004468/HP- CCHN	Thực hiện KT xét nghiệm	4				
3	Nguyễn Văn Khang	ĐDTH	Xét nghiệm	004469/HP- CCHN	Thực hiện KT xét nghiệm	4				
4	Nguyễn Thị Dinh	KTVCD	Xét nghiệm	002161/HP- CCHN	Thực hiện CMKT xét nghiệm	5				
5	Đỗ Thị Hồng Anh	KTVCD	Xét nghiệm	010186/HP-CCHN	KTV xét nghiệm	1				
6	Vũ Thị Thu Hà	KTVCD	Xét nghiệm	006258/HP-CCHN	KTV xét nghiệm	4	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	Vi sinh	
7	Ngô Thu Hoài	KTVCD	Xét nghiệm	006276/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	4				
8	Phạm Thanh Tùng	KTVCD	Xét nghiệm	008253/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	3				
9	Đặng Thị Giang	KTVCD	Xét nghiệm	006283/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	4				
10	Nguyễn Thị Hồng Xâm	KTVCD	Xét nghiệm	005744/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	4				
11	Đặng Thị Thanh Hoa	KTVCD	Xét nghiệm	006263/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	4				
12	Nguyễn Thị Trang	KTVCD	Xét nghiệm	008419/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	3				
13	Nguyễn Thị Hồng	KTVCD	Xét nghiệm	005945/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	4				



STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
14	Nguyễn Thị Hà	KTVCD	KTV	006265/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	4	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	HH-TM	
15	Nguyễn Thị Lan	KTVCD	KTV	004551/HP- CCHN	Thực hiện KT xét nghiệm	4				
16	Đỗ Hồng Trường	KTVCD	KTV	004839/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	4				
17	Hoàng Thị Thúy Lan	KTVCD	KTV	004526/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	4				
18	Phạm Thị Linh	KTVCD	KTV	004466/HP- CCHN	Thực hiện KT xét nghiệm	4				
19	Đoàn Thị Yến	KTVCD	KTV	004465/HP- CCHN	Thực hiện KT xét nghiệm	4				
20	Lê Thị Lan Anh	KTVCD	KTV	005481/HP- CCHN	Thực hiện KT xét nghiệm	4				
21	Phạm Thị Thủy	KTVCD	KTV	004453/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	4				
22	Lê Thị Trang	ĐDCĐ	Điều dưỡng	004549/HP- CCHN	Điều dưỡng	4				
23	Nguyễn Thị Thanh	CNCĐDD	Điều dưỡng	008365/HP- CCHN	Điều dưỡng	3	Thực hành lâm sàng	Thực hành lâm sàng	GPB	
24	Trịnh Văn Mừng	Kỹ thuật viên	Xét nghiệm	001744/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	6				
25	Trần Thị Hòa	Kỹ thuật viên	Xét nghiệm	009657/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	3				
26	Phạm Thị Thảo	Kỹ thuật viên	Xét nghiệm	009316/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	3				
27	Nguyễn Thị Thanh Lương	Kỹ thuật viên	Xét nghiệm	008388/HP- CCHN	KTV xét nghiệm	4				
28	Mạc Thị Hà	Kỹ thuật viên	Xét nghiệm	008387/HP- CCHN	Giải phẫu bệnh và tế bào bệnh học	4				
29	Nguyễn Thị Tuyết	Kỹ thuật viên	Xét nghiệm	008599/HP- CCHN	Giải phẫu bệnh và tế bào bệnh học	3				
30	Bùi Hữu Lập	Kỹ thuật viên	Xét nghiệm	007477/HP- CCHN	Giải phẫu bệnh và tế bào bệnh học	4				
31	Phùng Thị Mai Quỳnh	Kỹ thuật viên	Xét nghiệm	008254/HP- CCHN	Giải phẫu bệnh và tế bào bệnh học	4				

35. Đào tạo Y sĩ

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN/ KHOA/ GIUỜNG ĐÁP ỨNG YÊU CẦU GIẢNG DẠY THỰC HÀNH (dựa vào chương trình thực hành)

STT	Họ và tên	Chức danh	Ngành, chuyên ngành đã được đào tạo	Chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hành nghề	Số năm kinh nghiệm KCB	Môn học/ học phần/ tín chỉ	Nội dung môn học	Tên khoa/ đơn vị yêu cầu thực hành	Số giường/ ghế răng đạt yêu cầu thực hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Đỗ Hồng Hải	CNCĐDD	Điều dưỡng	006692/HP- CCHN	Điều dưỡng	4	TH LS	TH LS	Nội 1	5
2	Phạm Thị Thanh Loan	CNCĐDD	Điều dưỡng	003701/HP- CCHN	Điều dưỡng	5	TH LS	TH LS	Nội 2	5
3	Nguyễn Thị Thu Hương	CNCĐDD	Điều dưỡng	006163/HP- CCHN	Điều dưỡng	5	TH LS	TH LS	Nội 3	5
4	Lương Sỹ Hoài Nam	CNĐHDD	Điều dưỡng	003712/HP-CCHN	Điều dưỡng	4	TH LS	TH LS	Tim mạch	5
5	Trần Thị Kim Ngoam	CNĐHDD	Điều dưỡng	003689/HP-CCHN	Điều dưỡng	4	TH LS	TH LS	Thần kinh	5
6	Đoàn Thị Thanh Hương	CNCĐDD	Điều dưỡng	005700/HP- CCHN	Điều dưỡng	5	TH LS	TH LS	Bệnh nhiệt đới	5
7	Cao Ngọc Lan Hương	CNCĐDD	Điều dưỡng	004481/HP- CCHN	Điều dưỡng	5	TH LS	TH LS	Ngoại 7	5
8	Nguyễn Thị Trang	CNCĐDD	Điều dưỡng	008756/HP- CCHN	Điều dưỡng	3	TH LS	TH LS	Ngoại 9	5
9	Nguyễn Thanh Thủy	CNCĐDD	Điều dưỡng	005406'/HP- CCHN	Điều dưỡng	5	TH LS	TH LS	Ngoại 10	5
10	Nguyễn Bích Việt	CNCĐDD	Điều dưỡng	004461/HP- CCHN	Điều dưỡng	5	TH LS	TH LS	Ngoại 11	5
11	Đào Thị Hồng Vân	CNCĐDD	Điều dưỡng	004457/HP- CCHN	Điều dưỡng	5	TH LS	TH LS	LN - TM	5
12	Cao Đình Thắng	CNCĐDD	Điều dưỡng	005728/HP- CCHN	Điều dưỡng	5	TH LS	TH LS	Ung bướu	20
13	Phạm Hồng Phương	CNCĐDD	Điều dưỡng	005716/HP- CCHN	Điều dưỡng	5				
14	Bùi Thị Thanh Nhân	CNCĐDD	Điều dưỡng	006614/HP- CCHN	Điều dưỡng	5				
15	Nguyễn Thị Minh Quyên	CNCĐDD	Điều dưỡng	005720/HP- CCHN	Điều dưỡng	5				